

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2026/HS-PT

Ngày: 18-6-2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Phạm Tồn

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Tấn Long

Ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa Phúc thẩm
Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham
gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Vân**, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026, tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa Phúc thẩm
Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng kết nối với tại Điểm cầu thành phần trụ sở
Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử trực tuyến phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý
số 95/2026/TLPT-HS ngày 19 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Ngô Quang T về
tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án
hình sự sơ thẩm số 22/2026/HS-ST ngày 10/02/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh
Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Ngô Quang T, sinh năm 1993 tại tỉnh Đắk Lắk; Căn cước công dân số
066093024949, cấp ngày 08/7/2021; nơi cư trú: Thôn G, xã E, huyện E, tỉnh Đắk
Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 07/12;
dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông
Ngô Quang V (Đã chết) và bà Phan Thị S; bị cáo có vợ là Trương Thị Tuyết S1
(Đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: (1) Ngày 26/02/2020, Tòa án nhân dân huyện Ea H’Leo, tỉnh
Đắk Lắk xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*” tại bản án số
11/2020/HSST; Ngày 10/6/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phúc thẩm

phạt 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” tại bản án số 135/2020/HSPT. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/02/2021 (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2024 cho đến nay.

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Quang T:

+ Ông Nguyễn Tiến T1, Luật sư thuộc Văn phòng L1. Địa chỉ: Số C N, phường T, tỉnh Đắk Lắk, có mặt

+ Ông Nguyễn Đình H, Luật sư thuộc Văn phòng L2. Địa chỉ: Số B P, phường B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T2 (sinh năm 1996), trú tại: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương, quá trình làm việc T2 có quen biết với Nguyễn Văn T3 (sinh năm 1996) ở tỉnh Bình Dương làm cùng Công ty có bán chất ma túy, T2 đã nhiều lần mua ma túy loại Methamphetamine (ma túy đá) của T3 để sử dụng. Khoảng cuối tháng 09/2024, T2 về nhà tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk gặp Hà Đức L (sinh năm 1993), cùng trú tại Thôn C, xã E và nói cho L biết T2 có nguồn cung cấp ma túy từ tỉnh Bình Dương, nếu có ai hỏi mua thì giới thiệu cho T2. Chiều ngày 02/10/2024, T2 đến nhà L tại Thôn C, xã E chơi thì gặp Ngô Quang T (sinh năm 1993), cùng trú tại xã E, tại đây L có nói cho T biết T2 có mỗi bán ma túy, T2 nói chuyện thì T nói cần mua 18.000.000 đồng tiền ma túy đá, T2 đồng ý và gọi Z (V1) cho T3 để T3 và T trao đổi mua ma túy đá, khi nói chuyện qua Z thì T3 đồng ý bán ma túy đá cho T và nói T2 xuống tỉnh Bình Dương gặp T3 để giao dịch mua bán. Tối ngày 02/10/2024, T2 ngủ lại nhà L và tiếp tục thỏa thuận về việc T2 xuống tỉnh Bình Dương gặp T3 để mua ma túy cho T. Tối ngày 04/10/2024, L chở T2 ra quốc lộ A để đón xe khách đi tỉnh Bình Dương. Ngày 05/10/2024, khi đến tỉnh Bình Dương, T2 đến phòng trọ của T3, tại đây T3 gửi số tài khoản Ngân hàng V2 số “228027979” tên “HO DI LINH” cho T2 để chuyển tiền mua ma túy, rồi T2 gửi số tài khoản ngân hàng này cho T để chuyển tiền. Khoảng 20 giờ ngày 05/10/2024, T2 nhận được hình ảnh chuyển tiền 18.000.000 đồng qua tin nhắn Zalo từ T (kết quả xác minh hình ảnh chuyển tiền là giả), sau đó T2 và T3 đã cân khoảng 50 gam ma túy đá rồi gọi Zalo cho T biết, trước khi đóng gói T3 và T2 đã lấy ra một ít ma túy đá (khoảng 0,2 gam đã được T đồng ý) mục đích để bán lấy tiền trả tiền phòng trọ, số ma túy này T3 cầm. Sau đó, T2 và T3 đóng gói số ma túy đá vào túi nylon rồi bỏ vào trong hộp giấy, T2 ghi trên hộp giấy: “0344977788 A T4 và chữ ký ghi họ tên Phạm Văn T2” và “Ngã 3 Đường tránh 72, 0344977788 A”, T2 và T3 chở hộp giấy chứa ma túy đi gửi xe khách “Anh P” về huyện E, tỉnh Đắk Lắk cho T4. Đến sáng ngày 07/10/2024, nhà xe Anh P tại thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

(nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) gọi điện thoại thông báo cho T4 đến nhận gói hàng nêu trên. Khoảng 10 giờ ngày 07/10/2024, T4 nhờ L sử dụng xe mô tô của L biển số 29M3-8720 chở T4 đến nhà Nguyễn Đình P1 (sinh năm 1996) trú tại thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để mượn căn cước công dân của P1 để lấy gói hàng chứa ma túy, nhưng T4 và L không nói cho P1 biết việc đi lấy ma túy. Sau đó, L chở T4 và P1 trên xe mô tô 29M3-8720 đi đến nhà xe Anh P để nhận hàng. Khi đến nhà xe thì L để xe ngoài lề đường và cả 3 người cùng đi vào nhà xe, L và P1 ngồi đợi, còn T4 đi vào nhận hộp giấy từ nhà xe Anh P, khi mở ra kiểm tra thì có 01 gói nylon không màu bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng là chất ma túy đá mà T2 gửi về, T4 cầm hộp giấy bên trong chứa ma túy đá cùng với L và P1 đi ra xe mô tô để đi về. Khi T4, L và P1 vừa đi ra trước nhà xe Anh P thì lực lượng Công an đến và yêu cầu kiểm tra, vì sợ bị phát hiện đang cầm hộp giấy chứa chất ma túy nên T4, L bỏ chạy, P1 điều khiển xe mô tô 29M3-8720 chạy thoát. Sau đó, T4 và L đã bị lực lượng Công an bắt giữ (còn P1 hiện chưa xác định được đang ở đâu), Cơ quan Công an thu giữ trên tay của T4 01 hộp giấy, bên ngoài hộp giấy có ghi các dòng chữ: “0344977788 A T4 và chữ ký ghi họ tên Phạm Văn T2” và “Ngã 3 Đường tránh 72, 0344977788 A”, bên trong hộp giấy có 01 túi nylon không màu chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, T4 khai nhận là ma túy đá mua về cất giấu để sử dụng cho bản thân. Sau khi biết T4 và L đã bị Công an huyện E bắt giữ, ngày 11/10/2024, Phạm Văn T2 đã đến Công an huyện E để đầu thú.

* Đồ vật, tài liệu thu giữ:

- 01 (một) hộp giấy có ghi chữ: “0344977788 A T4 và chữ ký ghi họ tên Phạm Văn T2” và “Ngã 3 Đường tránh 72, 0344977788 A”, bên trong hộp giấy có 01 (một) túi nylon không màu chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (thu giữ của Ngô Quang T).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, IMEI: 353010094567262, gắn 01 sim (số điện thoại 0985474782) trên sim có dãy số “8984048000066748329”, của Hà Đức L.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo màu đỏ đen, IMEI 1: 862260044735790 gắn 01 sim V3 (số điện thoại 0344977788) trên sim có dãy số “8984048000929634846”, của Ngô Quang T.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO mặt lưng màu bạc (mặt kính phía trước bể), IMEI 1: 860817050324314, gắn 01 sim (số điện thoại 0354297483) trên sim có dãy số “8984048000920385449” của Phạm Văn T2.

* Kết quả trưng cầu giám định:

Tại Bản kết luận giám định số 1664/KL-KTHS ngày 14/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng bên trong 01 (một)

gói nylon không màu được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 47,4695 gam, loại Methamphetamine.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2026/HS-ST ngày 10/02/2026, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố: bị cáo Ngô Quang T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

[2.1] Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Quang T 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 07/10/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với Nguyễn Văn T3, Phạm Văn T2 và Hà Đức L; quyết định về phần xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 24/02/2026, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhận được đơn kháng cáo của bị cáo Ngô Quang T đối với bản án sơ thẩm, với nội dung: tại thời điểm bị bắt bị cáo chưa nhận được ma túy của người bán; cơ quan điều tra không cung cấp được chứng cứ chứng minh bị cáo có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bởi mục đích của bị cáo là mua ma túy về để sử dụng cá nhân; cơ quan điều tra chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo Phạm Văn T5 khai là mua ma túy với bị cáo để xác định hành vi phạm tội của bị cáo là không đúng, bị cáo có phạm tội thì chỉ phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” chứ phải tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại đối với tội danh của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Luật sư* Nguyễn Đình H - *Luật sư* Nguyễn Tiến T1 bào chữa cho bị cáo trình bày: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo T chỉ khai nhận việc bị cáo mua ma túy về để sử dụng mà không nhằm mục đích chia nhỏ ra để bán lại kiếm lời, bị cáo mua ma túy của T3 nhưng chưa nhận được nên chưa bán được cho ai. Lời khai của bị cáo T2 có mâu thuẫn. Cơ quan điều tra cũng không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bị cáo T mua ma túy về để bán kiếm lời. Do đó, hành vi của bị cáo T chỉ cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Ngoài ra; nếu không đủ căn cứ buộc tội thì đề nghị Hội đồng xét xử hủy án, trả hồ sơ để điều tra bổ sung, chứng minh hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Bởi lẽ lời khai của T2 có nhiều mâu thuẫn.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng: Về phần thủ tục: HĐXX và Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật; về nội dung: đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị cáo Ngô Quang T. Bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, mục đích chỉ mua ma túy để sử dụng cá nhân nên đề nghị chuyển sang tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

[1.1] Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm có đủ căn cứ xác định: cuối tháng 9 năm 2024, thông qua Hà Đức L, bị cáo T được giới thiệu nguồn ma túy từ Nguyễn Văn T3 tại tỉnh Bình Dương. Sau khi trao đổi trực tiếp với T3 qua ứng dụng Zalo, bị cáo T thống nhất mua ma túy với giá 18.000.000 đồng và phân công Phạm Văn T2 trực tiếp đến tỉnh Bình Dương giao dịch, nhận ma túy rồi gửi xe khách về Đắk Lắk cho bị cáo nhận.

[1.2] Ngày 05/10/2024, sau khi nhận được hình ảnh chuyển tiền do bị cáo T gửi, T3 đã giao cho T2 khoảng 50 gam ma túy loại Methamphetamine để gửi về cho T. Đến ngày 07/10/2024, khi bị cáo T đến nhận gói hàng chứa ma túy tại nhà xe Anh P thì bị bắt quả tang, thu giữ 47,4695 gam Methamphetamine.

[1.3] Mặc dù, bị cáo T cho rằng mua ma túy chỉ nhằm mục đích sử dụng, tuy nhiên lời khai này không phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Ngoài lời khai của bị cáo Phạm Văn T2, cơ quan tiến hành tố tụng còn thu thập được dữ liệu điện tử là các tin nhắn trao đổi giữa T2 và T thể hiện nội dung “làm ăn lâu dài”, “ra hộp”, “hộp 3,5”, “hộp 5”... Theo lời khai của T2 và các tài liệu điều tra, “ra hộp” là việc chia nhỏ ma túy để bán cho người sử dụng nhằm thu lợi nhuận. Nội dung trao đổi này phản ánh rõ mục đích tiêu thụ, phân phối ma túy của bị cáo T chứ không phải chỉ để sử dụng cá nhân.

[2] Mặt khác, số lượng ma túy mà bị cáo đặt mua là 47,4695 gam Methamphetamine, thuộc lượng ma túy đặc biệt lớn đối với nhu cầu sử dụng thông thường của một người nghiện. Quá trình thực hiện việc mua ma túy, bị cáo còn chủ động liên hệ với người bán, chỉ đạo T2 đi nhận ma túy, làm giả chứng từ chuyển khoản để tạo lòng tin cho bên bán giao hàng và tổ chức việc nhận ma túy qua xe khách. Toàn bộ diễn biến này thể hiện bị cáo là người khởi xướng, tổ chức việc mua ma túy nhằm mục đích tiếp tục tiêu thụ, không đơn thuần là hành vi cất giữ để sử dụng.

[2.1] Theo quy định của pháp luật hình sự, hành vi mua ma túy nhằm bán lại cho người khác đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, không phụ thuộc vào việc người phạm tội đã bán được ma túy hoặc đã thu được lợi nhuận

hay chưa. Do đó, việc bị cáo cho rằng chưa thực hiện hành vi mua bán và chỉ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đặc biệt là dữ liệu điện tử thu giữ được thể hiện nội dung trao đổi giữa bị cáo T và bị cáo T2 về việc “làm ăn lâu dài”, “ra hộp”, “hộp 3,5”, “hộp 5”, cùng diễn biến khách quan của việc giao dịch mua bán ma túy, có đủ căn cứ xác định bị cáo Ngô Quang T mua 47,4695 gam Methamphetamine không chỉ nhằm mục đích sử dụng mà còn để chia nhỏ bán lại kiếm lời. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết luận bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của bị cáo và lập luận các luật sư không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về hình phạt. Bị cáo là người giữ vai trò chính trong việc đặt mua số lượng lớn ma túy để tiêu thụ; hành vi phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; khối lượng ma túy thu giữ là 47,4695 gam Methamphetamine thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3.1] Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết liên quan khi quyết định xử phạt bị cáo 17 năm tù. Mức hình phạt này nằm trong khung hình phạt từ 15 năm đến 20 năm tù, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, không nặng. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Ngô Quang T phải chịu án phí theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Quang T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Quang T 17 (mười bảy) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 07/10/2024.

2. Về án phí: Bị cáo Ngô Quang T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHS-CA tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tồn